

Bản án số: 694/2022/HS-PT
Ngày: 20-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán

Ông Lê Văn An

Ông Dương Tuấn Vinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 442/2022/TLPT-HS ngày 04/7/2022. Do có kháng cáo của bà Lê Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại ông Nguyễn Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo bị kháng cáo: Kim A, sinh năm 1967 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh, Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kim S (đã chết) và bà Kim Thị R, sinh năm 1944; Vợ: Kim Thị L, sinh năm 1969; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/12/2020 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Kim A: Luật sư Nguyễn Xuân T1, Văn Phòng luật sư Giang Minh Châu, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Sam B, thuộc Công ty dịch thuật 123 Việt Nam (có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Phường Bình Trị Đ, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Phường Bình Trị Đ, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Phường Bình Trị Đ, quận Bình T Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bà Kim Thị L, sinh năm 1969; Nơi cư trú: xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh Kim Quách T2, sinh năm 1989;

- Anh Kim L1, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (cả 2 vắng mặt).

- Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thị trấn Trà C, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Ông Kim Minh D, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có các người bị hại và những người quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo của bà Lê Thị T nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2014, bị cáo Kim A đưa ra thông tin giả là có thiên thạch cần bán nhằm mục đích lừa đảo người khác để chiếm đoạt tài sản, bị cáo nhờ con ruột tên Kim Thị T3 (sinh năm 1995, cư trú ấp Chợ Dưới, xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh) tìm kiếm trên trang mạng internet về cách nhận biết đặc tính của thiên thạch, rồi tải đoạn video về lưu trong bộ nhớ điện thoại di động của bị cáo. Sau đó, anh Thạch Oanh N1 (sinh năm 1983, cư trú ấp Nô Pộc, xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh) là nhân viên bán bảo hiểm, thường xuyên đến nhà của bị cáo Kim A, bị cáo nói với Oanh N1 là có thiên thạch cần bán và nhờ Oanh N1 tìm người giới thiệu. Vì lúc trước, anh N1 biết được ông Thạch Ngọc T4 sinh năm 1960, cư trú ấp Sà Văn B, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú có tìm thiên thạch để mua, nên mới thông báo cho ông T4 biết là bị cáo Kim A có thiên thạch cần bán, ông T4 cùng với anh N1 đến nhà bị cáo Kim A để hỏi mua thiên thạch.

Tại nhà bị cáo Kim A, ông T4 hỏi và bị cáo trả lời có thiên thạch cần bán, nhưng người mua không được xem hàng (thiên thạch) bởi vì “tâm linh chưa cho phép”. Bị cáo Kim A mở phát đoạn video lưu trong điện thoại của bị cáo cho ông T4 và anh N1 xem, đồng thời nói đây là thiên thạch của bị cáo đã quay lại (trong đoạn video này ghi hình ảnh một chai nhựa chứa chất lỏng bên trong và có một vật nằm lơ lửng trong chất lỏng không chìm). Ông T4, anh N1 tin là thật nên xin được xem thiên thạch, thì bị cáo từ chối và nói đã chôn dưới đất khi nào cúng tâm linh cho phép mới được lấy thiên thạch lên để bán. Bị cáo yêu cầu ông T4, anh N1 thường xuyên đến nhà bị cáo để cúng tâm linh, bị cáo tự đặt ra quy trình cúng tâm

linh, có lần bị cáo yêu cầu ông T4 phải đặt lên bàn thờ nhà bị cáo số tiền 30.000.000 đồng và cho rằng “cúng con hàng (thiên thạch) thì tâm linh cho phép lấy lên, khi cúng xong không được mang tiền về mà để tại bàn thờ vài ngày sau đến nhận lại”. Thực hiện theo đúng yêu cầu của bị cáo; sau đó, ông T4 cùng anh N1 đến nhận tiền lại, thì bị cáo nói đã mượn sai đồ khi nào có trả lại sau. Bằng nhiều thủ đoạn khác nhau bị cáo đã tạo được lòng tin đối với ông T4 là bị cáo có thiên thạch thật. Khi biết ông T4 đã tin, bị cáo nói nhiều lý do khác nhau để chiếm đoạt tiền của ông T4 như: đưa tiền cho bị cáo đi cúng chùa, cúng tâm linh tại nhà. Riêng anh N1 khi đi cùng ông T4 đến nhà bị cáo, thì bị cáo không có trực tiếp nhận tiền của anh N1. Để cho ông T4 càng thêm tin tưởng, ngày 29/10/2015, bị cáo ký “Bản cam kết” đảm bảo chuyển nhượng thiên thạch cho ông T4, trọng lượng thiên thạch là 12,4 kg, tổng trị giá bằng 1.860.000.000 USD (đô la Mỹ). Sau khi bị cáo ký bản cam kết, ông T4 càng tin tưởng hơn, bị cáo tiếp tục yêu cầu ông T4 đưa tiền cho bị cáo rất nhiều lần (từng lần cụ thể không nhớ rõ), bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt của ông T4 tổng số tiền bằng 1.000.000.000 đồng.

Sau một thời gian, ông T4 không còn khả năng tiếp tục đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo, nhưng bị cáo vẫn yêu cầu ông T4 đưa thêm tiền để làm chi phí ra hàng (bán thiên thạch). Vì biết ông Thạch K sinh năm 1963, cư trú ấp Ba Se A, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành có tìm thiên thạch để mua, nên ông T4 thông tin cho ông K biết là bị cáo Kim A đang có thiên thạch cần bán. Ông K thỏa thuận hợp tác với ông Lâm H sinh năm 1960, cư trú Khóm 7, Phường 8, thành phố Trà Vinh và ông Nguyễn Văn V sinh năm 1962, cư trú Tân Qui, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, là đại diện Công ty cổ phần an sinh cộng đồng Sông Hùng cùng tham gia để mua thiên thạch của bị cáo Kim A. Thời điểm này, bị cáo không cho ông T4 tham gia chung, bị cáo tiến hành giao dịch về mua bán thiên thạch với ông K và Lâm H. Cho nên, bị cáo trả cho ông T4 số tiền 500.000.000 đồng (còn lại 500.000.000 đồng chưa trả).

Khi ông K và Lâm H giao dịch với bị cáo để mua thiên thạch, bị cáo nói “có 02 viên thiên thạch gồm một viên 12,4 kg và một viên 25,8 kg, là vật gia bảo nhiều đời để lại không thể xem được mà chỉ được nhắc lên”. Sau đó, bị cáo cho ông K và ông H nhắc một hủ nhựa được bao kín bằng keo bên ngoài và bị cáo nói “thiên thạch ở bên trong, muốn ra được hàng thì tâm linh phải cho phép”. Do tin là thật, ông K làm người đại diện của Công ty Sông Hùng ký hợp đồng mua bán thiên thạch với bị cáo Kim A vào ngày 01/3/2020 và ngày 13/5/2020, với giá trị mỗi kilogram là 800.000.000 USD (đô la Mỹ) và thỏa thuận với nhau là khi bán được thiên thạch thì phải trích thưởng lại cho 27 người (những người này không có liên quan gì đến việc mua bán thiên thạch, mà chỉ đưa thông tin vào nhằm thể hiện có thiên thạch thật, nên nếu bán thì cho tiền họ), là những thân quen của người ký hợp đồng mua và người bán (bị cáo) theo bản cam kết thỏa thuận trích thưởng năm 2020 do ông V và ông K ký. Sau khi thỏa thuận và ký hợp đồng xong, cũng với thủ đoạn như đối với ông T4, bị cáo nhiều lần yêu cầu ông K, ông H đưa tiền cho bị cáo để phục vụ mục đích cá nhân, đi cúng chùa tại Campuchia, cúng tại nhà, cùng các chùa trên địa bàn Trà Vinh, mua xe mô tô hai bánh (nhãn hiệu Honda loại SH, biển kiểm soát 84G1-487.63), mua kết sắt để đựng thiên thạch và các chi phí khác, nhưng bị cáo chỉ hẹn ngày đưa ra thiên thạch mà không thực hiện; khi đến ngày

thỏa thuận đưa thiên thạch ra cho bên mua kiểm tra thì bị cáo gian dối với nhiều thủ đoạn cụ thể như: bị bắt cóc, bệnh nhập viện, ôm thiên thạch bị học máu, tai nạn giao thông, bận đi Campuchia,... nhằm né tránh đưa thiên thạch, rồi hẹn ngày khác cho kiểm tra thiên thạch.

Riêng ông V thì bị cáo không trực tiếp nhận tiền, bị cáo chỉ biết ông V là người đi cùng ông K và ông H. Với thủ đoạn trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông K và ông H tổng số tiền bằng 2.018.500.000 đồng (của ông K bằng 50.000.000 đồng và ông H bằng 1.968.500.000 đồng).

Số tiền không có biên nhận thì bị cáo không thừa nhận (bao gồm bản cam kết ngày 31/12/2019 với tổng số tiền là 7.869.500.000 đồng). Đây là những khoản tiền của chung ba người, trong đó có khoản tiền của ông V đưa ông K đưa cho bị cáo là 1.190.000.000 đồng, số tiền của ông H 3.434.000.000 đồng, của ông K 3.245.000.000 đồng. Đối với khoản tiền 7.869.500.000 đồng này, mặc dù bị cáo ký vào bản cam kết nhưng bị cáo không thừa nhận có nhận tiền, bị cáo chỉ ký tên và cam kết bởi do bị cáo hứa nhiều lần mà không thực hiện cho kiểm tra thiên thạch, nên bị cáo ký vào bản cam kết đó với mục đích để mọi người tin, xác định lại ngày phải đưa thiên thạch, nếu không thực hiện thì bị cáo sẽ phải trả cho 03 người bằng số tiền như trong bản cam kết là 7.869.500.000 đồng.

Ngoài việc bán thiên thạch cho ông T4, ông K, ông H như đã nêu trên, bị cáo Kim A còn ký hợp đồng mua bán thiên thạch cho ông Nguyễn Văn N sinh năm 1957, cư trú số nhà 2, đường số 6, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh - chồng bà Lê Thị T, làm đại diện công ty cổ phần Việt Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh với giá 2.000.000.000 USD/1kg và tạm ứng 600.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/4/2020. Khi đến ngày thỏa thuận đưa thiên thạch ra kiểm tra, bị cáo Kim A dùng nhiều thủ đoạn gian dối để né tránh. Đến ngày 01/6/2020, ông N bắt buộc bị cáo phải đưa thiên thạch ra kiểm tra, bị cáo mang ra một hủ nhựa cho kiểm tra, thì người của ông N phát hiện bên trong có 14 cục đá bình thường. Do bị bại lộ hành vi, bị cáo cam kết đến ngày 07/6/2020 sẽ mang thiên thạch thật ra để cho kiểm tra, nhưng đến ngày bị cáo không thực hiện. Sau đó, bị cáo đã trả cho ông N được 400.000.000 đồng, còn lại số tiền 200.000.000 đồng bị cáo còn thiếu.

Cũng cùng thời điểm trên, bị cáo Kim A còn ký thêm nhiều hợp đồng bán thiên thạch với ông Đỗ Viết Q là giám đốc công ty Hào Minh Quang địa chỉ 224/24 khu phố 7, đường TX27, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá bán mỗi kilogam là 1.800.000.000 USD (đô la Mỹ) và ký bản cam kết thực hiện hợp đồng chuyển giao kim loại quý thiên thạch ngày 11/10/2020 thể hiện bị cáo có nhận tiền cọc 5.000.000.000 đồng. Mặc dù hợp đồng có chữ ký của bị cáo, nhưng bị cáo không thừa nhận có nhận số tiền kể trên của ông Q theo bản cam kết; bị cáo cho rằng do đã hứa cho người của công ty Hào Minh Quang xem thiên thạch nhiều lần mà bị cáo không thực hiện, trong đó có lần (không nhớ ngày cụ thể) ông Q bắt buộc bị cáo phải cho xem thiên thạch, nhưng do không có thiên thạch thật nên bị cáo kêu con của bị cáo là Kim L1 và Kim Quách T2 dùng búa đập nền gạch đầu giường phòng ngủ của bị cáo để giả là chôn thiên thạch dưới đó nhằm tạo lòng tin với ông Q và những người đi cùng. Khi đập được một lúc, bị cáo Kim A kêu anh T1, L1 ngưng không đập tiếp rồi nói với mọi người là tâm linh

chưa cho phép, nhằm mục đích hẹn sang ngày khác sẽ đưa thiên thạch ra, nên đại diện của công ty Hào Minh Quang yêu cầu bị cáo nếu đến ngày hẹn không thực hiện phải trả bằng số tiền 5.000.000.000 đồng, vì vậy mà bị cáo ký bản cam kết này thể hiện có nhận số tiền cọc là 5.000.000.000 đồng, sự việc trên có sự chứng kiến của ông Thạch K và ông Lâm H.

Kết quả điều tra, bị cáo Kim A chỉ thừa nhận có thực hiện hành vi lừa đảo ông Thạch Ngọc T4 chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng, ông Thạch K số tiền 50.000.000 đồng, ông Lâm H số tiền 1.968.500.000 đồng, ông Nguyễn Văn N số tiền 600.000.000 đồng; tổng cộng của 04 người bằng 3.618.500.000 đồng. Sau đó, bị cáo đã trả lại được tổng cộng 900.000.000 đồng, gồm của ông Thạch Ngọc T4 500.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn N 400.000.000 đồng. Còn lại, bị cáo còn chiếm đoạt những người nêu trên tổng số tiền 2.718.500.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt có được, bị cáo sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Kim A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Kim A 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 18/12/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, quyền thi hành án, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2022, bà Lê Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Kim A, bỏ lọt tội phạm, yêu cầu tính lãi và bồi thường vi phạm hợp đồng, chi phí đi lại trong 09 lần Công ty Tân Tạo cử kỹ thuật đến nhà bị cáo xem thiên thạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: kháng cáo của bà T trong hạn luật định. Về nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Về nội dung: tại phiên tòa, bà T đã đưa ra những tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc khi mua bán thiên thạch có vợ con của bị cáo tham gia nhưng tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này. Đồng thời những người làm chứng được triệu tập vẫn không đến. Xét thấy những vấn đề này cấp phúc thẩm không thể làm rõ được, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Luật sư Nguyễn Xuân T1 trình bày: Về tội danh và hình phạt, luật sư không tranh luận. Về trách nhiệm của vợ con bị cáo, bị cáo lấy tiền vợ con hoàn toàn không biết. Khi người bị hại dẫn người đến buộc vợ con bị cáo ký vào biên bản vợ con bị cáo mới biết. Tại phiên tòa, bà T có khai tại biên nhận ngày 13/4/2020 có vợ con bị cáo và bà M là không đúng thực tế. Bà T khai việc giao tiền chỉ có bà L, bà

M và luật sư của bà T mới đúng thực tế. Ngoài ra tại Bút lục 503 bà T khai đưa tiền cho bị cáo là tiền cá nhân, không phải tiền của công ty. Về trách nhiệm bồi thường dân sự, bà T yêu cầu trả tiền lãi, 450.000.000 đồng và tiền phạt hợp đồng, tuy nhiên bà T đã khai số tiền này là tiền cá nhân, không phải tiền của công ty nên không có cơ sở để phạt. Đồng thời, số tiền này là do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không thể coi là giao dịch dân sự để buộc bị cáo chịu trách nhiệm phạt vi phạm hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của luật sư, không tranh luận bổ sung.

Bà Lê Thị T tranh luận: Những yêu cầu của bà T có chứng từ, chứng cứ. Biên nhận ngày 13/4/2020 con bị cáo không ký nhưng có chứng kiến, những biên nhận còn lại đều có vợ con bị cáo ký.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Lê Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại ông Nguyễn Văn N trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T:

[2.1] Kháng cáo tăng nặng hình phạt:

Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bị cáo Kim A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 11/10/2020, tại nhà của bị cáo ở ấp Chợ Dưới, xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và một số nơi khác thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh, bị cáo Kim A đã lừa đảo chiếm đoạt của ông Thạch Ngọc T4 số tiền 1.000.000.000 đồng, ông Thạch K 50.000.000 đồng, ông Lâm H 1.968.500.000 đồng, ông Nguyễn Văn N 600.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo lừa đảo các bị hại là 3.618.000.500 đồng, nhưng bị cáo đã trả lại được tổng cộng 900.000.000 đồng, gồm của ông Thạch Ngọc T4 500.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn N 400.000.000 đồng. Còn lại, bị cáo còn chiếm đoạt những người nêu trên tổng số tiền 2.718.500.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kim A tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, không sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Kim A không kháng cáo về nội dung vụ án cũng như hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về hình phạt: Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Kim A là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của các người bị hại một cách trái pháp luật, tạo ra sự bất bình trong dư luận xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, làm ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống bình thường của các người bị hại. Bị cáo lợi dụng lòng tin của các người bị hại nhằm chiếm đoạt tiền của các người bị hại để tiêu xài cá nhân dẫn đến bị cáo không còn khả năng trả nợ, nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã đánh giá, áp dụng đầy đủ các tình tiết đối với bị cáo, cụ thể đã xem xét bị cáo Kim A là người dân tộc Khmer, không biết chữ, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên xử phạt bị cáo Kim A với mức án 15 (mười lăm) năm tù là tương xứng, không nhẹ, đúng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng nặng hình phạt của bà Lê Thị T đối với bị cáo, giữ nguyên hình phạt của án sơ thẩm đối với bị cáo Kim A.

[2.2] Kháng cáo bỏ lọt tội phạm:

Bà Lê Thị T cho rằng bà Kim Thị L, anh Kim Quách T2, anh Kim L1 là vợ và con của bị cáo là đồng phạm trong vụ án vì những người này đồng ký tên trong những biên bản giữa các bên nên phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và liên đới với bị cáo về trách nhiệm dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù trong suốt quá trình bị cáo phạm tội có nhận sự hỗ trợ từ vợ và con của bị cáo, cụ thể: con ruột tên Kim Thị T3 giúp bị cáo tìm kiếm trên trang mạng internet về cách nhận biết đặc tính của thiên thạch, rồi tải đoạn video về lưu trong bộ nhớ điện thoại di động của bị cáo; con của bị cáo là Kim L1 và Kim Quách T2 dùng búa đập nền gạch đầu giường phòng ngủ của bị cáo để giả là chôn thiên thạch dưới đó nhằm tạo lòng tin với ông Q và những người đi cùng; vợ là Kim Thị L ký tên cùng bị cáo trong 03 biên bản/giấy biên nhận;... Tuy nhiên, những hành vi này là thực hiện theo yêu cầu của bị cáo, tin tưởng bị cáo rồi làm theo mà không được biết mục đích của bị cáo là gì hoặc bị ép buộc thực hiện. Theo hồ sơ vụ án, không có cơ sở chứng minh giữa bị cáo và những người này có sự bàn bạc, thống nhất, phân công vai trò phạm tội hoặc được hưởng lợi từ hành vi phạm tội. Đồng thời, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo và lời khai của Kim Thị T3, Kim Thị L, Kim Quách T2, Kim L1 phù hợp với nhau về việc những người này không được bị cáo nói cho biết là đi lừa đảo người khác và đưa ra thông tin thiên thạch là vật gia bảo từ đời ông của bị cáo để lại nên những người này tin tưởng, chứ không biết rõ bị cáo Kim A dùng thiên thạch giả nên không có đủ cơ sở quy kết những người này có vai trò đồng phạm với bị cáo trong thực hiện tội phạm.

Bà T đưa ra 03 văn bản là Biên bản làm việc ngày 25/5/2022, Biên bản làm việc ngày 10/8/2020, Giấy biên nhận ngày 13/4/2020 làm chứng cứ chứng minh việc bà Kim Thị L có biết việc phạm tội và giúp sức cùng với bị cáo lừa đảo ông

N. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L ký tên vào các biên bản này cùng với bị cáo là theo yêu cầu của bị hại, đồng thời bà L ký với tư cách là vợ của bên bán chứ không phải người giao kết, thực hiện hay có nghĩa vụ trong giao dịch giữa các bên. Bà L có ký tên vào các văn bản này hay không cũng không làm thay đổi bản chất của vụ việc vì bị cáo đưa ra thông tin giả và nhận tiền của người bị hại đã hoàn thành nên hành vi của bà L không được xem là đồng phạm với bị cáo như nhận định trên.

Trong phạm vi xét xử vụ án này Hội đồng xét xử nhận thấy chưa có chứng cứ phù hợp để xem xét đồng phạm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử kiến nghị với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh tiếp tục điều tra, xem xét hành vi của bà Kim Thị L, anh Kim Quách T2, anh Kim L1 bằng một vụ án khác khi có căn cứ đồng phạm.

[2.3] Kháng cáo trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bà Lê Thị T yêu cầu:

- Buộc bị cáo Kim A và bà Lene trả 200.000.000 đồng tiền mượn và tính lãi theo thỏa thuận của hai bên là 20%/năm. Trong đó số tiền 400.000.000 đồng tính lãi từ ngày 13/4/2020 đến ngày 10/8/2020 là 4 tháng tiền lãi 26.500.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng tính lãi từ ngày 13/4/2020 đến ngày 07/6/2022 là 26 tháng tiền lãi 86.300.000 đồng.

- Buộc bị cáo Kim A phải trả 450.000.000 đồng là chi phí đi lại 9 lần Công ty Tân Tạo đóng lệnh cho Công ty Việt Mỹ Sài Gòn cử người xuống nhà bị cáo.

- Buộc bị cáo Kim A cùng vợ và 2 người con của bị cáo phải bồi thường cho Công ty Tân Tạo 5% tổng giá trị của hợp đồng, nhưng chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 2.500.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy các yêu cầu của bà T là không có căn cứ để chấp nhận vì bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại, bị cáo Kim A đã chịu trách nhiệm về hình sự về hành vi nêu trên, đồng thời xác định không có đồng phạm trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại số tiền mà bị đã chiếm đoạt như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Hơn nữa, giao dịch giữa các bên trong vụ án không phải là giao dịch dân sự hợp pháp nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng nên không có căn cứ tính trách nhiệm về bồi thường hoặc phạt vi phạm hợp đồng của các bên trong hợp đồng. Do đó kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bà T là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Kim Thị L, chị Kim Thị T3, anh Kim Quách T2, anh Kim Thanh R1 và anh Kim L1 tự nguyện cùng với bị cáo Kim A bồi thường thiệt hại cho những người bị hại, đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lê Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại ông Nguyễn Văn N; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia

phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; Lời bào chữa của Luật sư có cơ sở nên được chấp nhận; Từ đó bác toàn bộ kháng cáo của bà Lê Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

- **Về án phí hình sự phúc thẩm:** Người có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- **Về án phí dân sự phúc thẩm:** Người có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại ông Nguyễn Văn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Kim A phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Kim A 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/12/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Kim A theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 581, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho 04 người bị hại tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 2.718.500.000 đồng (hai tỷ bảy trăm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), bao gồm: Trả cho ông Thạch Ngọc T4 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); Trả cho ông Thạch K số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Trả cho ông Lâm H số tiền 1.968.500.000 đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng); Trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Kim Thị L, chị Kim Thị T3, anh Kim Quách T2, anh Kim Thanh R1 và anh Kim L1 liên đới cùng với bị cáo Kim A trả số tiền nêu trên cho các bị hại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011678 ngày 24/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Bà T đã nộp xong án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Trà Vinh (2);
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Công an tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Trại tạm giam tỉnh Trà Vinh (2);
- Bị cáo (1);
- Người kháng cáo (1)
- Lưu HSVA(2). VP(5) 19b. (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Văn Mười